

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**
Bản án số: 223 /2020/HNGĐ-ST
Ngày 12 - 5 - 2020
V/v **Tranh chấp ly hôn và nuôi con
chung**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thanh Nhân;**

Các hội thẩm nhân dân:

- + Ông: **Nguyễn Văn Y;**
- + Ông : **Đỗ Thanh Hiền;**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông **Võ Trương Tấn Thành** – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền
Giang tham gia phiên tòa:** Bà **Lê Hoàng Lan Ngọc** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu
Thành mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 872/2019/TLST –
HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc: “tranh chấp ly hôn và nuôi con ”

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐST-HN ngày 18
tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Võ Thị Q**, sinh năm 1988; Nơi cư trú: ấp 5, xã TĐ, huyện
BL, tỉnh Long An.

- Bị đơn: **Nguyễn Tấn N**, sinh năm 1988; Nơi cư trú: ấp TH, xã TH,
huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, Tờ tự khai cũng như trong quá trình giải quyết nguyên đơn Võ Thị Q trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Tấn N sống chung với nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hương. Từ khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N thường xuyên cờ bạc, dẫn đến vợ chồng cự cãi, xung đột nên không thể sống chung được nữa và cắt đứt quan hệ vợ chồng với anh N hơn 05 tháng. Gia đình hai bên đã động viên, hòa giải nhiều lần nhưng anh N không sửa chữa nên không hòa thuận được. Chị thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Chị yêu cầu Tòa giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tấn N.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Q1 sinh ngày 29/4/2015; Từ khi ly thân, cháu Q1 do chị trực tiếp nuôi dưỡng nhưng gần 04 tháng nay anh N đón cháu về trực tiếp nuôi dưỡng, cuộc sống ổn định, đảm bảo về mặt vật chất và tinh thần. Chị Q yêu cầu được trực tiếp nuôi con cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng: Chị Q cho rằng hiện nay chị có thu nhập, đủ điều kiện nuôi con nên chưa yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

* Tại phiên tòa, chị Võ Thị Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về phần hôn nhân và tài sản. Về nuôi con chung chị đồng ý giao cháu Nguyễn Ngọc Q1 sinh ngày 29/4/2015 cho anh Nguyễn Tấn N trực tiếp nuôi dưỡng.

*** Theo Tờ tự khai cũng như trong quá trình giải quyết bị đơn Nguyễn Tấn N trình bày:**

Anh và chị Võ Thị Q kết hôn vào năm 2013. Quá trình sống chung vợ chồng có 01 con chung đúng như Chị Q trình bày. Từ năm 2018 đến nay anh có tham gia cờ bạc và thiếu nợ một số người nên Chị Q không đồng ý, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Anh đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và cắt đứt quan hệ vợ chồng với Chị Q khoảng hơn 6 tháng. Anh đã nhiều lần xin Chị Q bỏ qua để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng Chị Q không đồng ý. Chị Q yêu cầu xin ly hôn, anh N không đồng ý.

- Về nuôi con chung: Nếu vợ chồng không hàn gắn được, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Ngọc Q1, không yêu cầu Chị Q cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

*** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:**

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào quy định Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Q: Cho chị Võ Thị Q và anh Nguyễn Tấn N ly hôn; Về nuôi con chung để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu Q1, đề nghị giao con chung cho anh Nguyễn Tấn N trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung không xem xét do các bên không tranh chấp.

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, HĐXX, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng thủ tục tố tụng. Bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ có mặt khi Tòa án triệu tập. Đến thời điểm trước khi nghị án, Viện kiểm sát không có kiến nghị bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Võ Thị Q yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tấn N và yêu cầu nuôi con chung. Hội đồng xét xử (HĐXX) xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn và nuôi con .

[2] Về thủ tục tố tụng:

Xét bị đơn Nguyễn Tấn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Tấn N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Võ Thị Q và anh Nguyễn Tấn N sống chung có đăng ký kết hôn theo đúng quy định Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Xét lời khai chị Võ Thị Q về nguyên nhân mâu thuẫn, điều kiện nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung. Anh Nguyễn Tấn N thừa nhận và không có ý kiến phản đối. Do vậy, căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xác định các tình tiết nêu trên là sự thật.

Xét quá trình sống chung anh chị sống không hạnh phúc, nguyên nhân do anh Nguyễn Tấn N tham gia cờ bạc, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Chị Q cho

rằng tình cảm vợ chồng giữa chị và anh N không còn nên không thể sống chung được nữa. Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của Chị Q và anh N cũng thể hiện anh chị đã không còn sống chung. Tòa án tổ chức hòa giải, Chị Q cho thời hạn 01 tháng để anh N sửa chữa, tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ nhưng anh chị không hàn gắn tình cảm được. Điều đó chứng tỏ tình cảm giữa Chị Q và anh N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và Gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Q.

[4] **Về nuôi con chung:** Cháu Nguyễn Ngọc Q1 chưa đủ 18 tuổi nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của cha hoặc mẹ. Chị Võ Thị Q đồng ý giao cho anh Nguyễn Tấn N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Q1. Xét thấy, anh N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Q1 và các điều kiện cần thiết để nuôi con. Cháu Q1 do anh N nuôi dưỡng cũng đảm bảo, cuộc sống đã ổn định. Do vậy để đảm bảo quyền và lợi ích tốt nhất của trẻ em, Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu giao cho anh Nguyễn Tấn N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Q1. Chị Q được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] **Về cấp dưỡng:** Anh N không có yêu cầu Chị Q phải cấp dưỡng nuôi con. HĐXX ghi nhận và không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng.

[6] **Về tài sản chung:** Các đương sự không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, HĐXX không xem xét.

[7] **Về nợ chung:** Các bên đương sự không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. HĐXX không xem xét.

[8] **Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát** là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích trên. HĐXX chấp nhận.

[9] **Về án phí:** Chị Võ Thị Q phải chịu án phí DSST trong vụ án ly hôn theo quy định khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 5, 92, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình ;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Q.

- Về hôn nhân: Cho chị Võ Thị Q ly hôn với anh Nguyễn Tấn N.

- Về nuôi con chung: Giao anh Nguyễn Tấn N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Q1 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Q được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** anh Nguyễn Tấn N chưa yêu cầu chị Võ Thị Q cấp dưỡng nuôi con.

- **Tài sản chung:** không xem xét.

- **Về nợ chung:** không xem xét.

- **Về án phí:** Chị Võ Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Võ Thị Q đã nộp theo biên lai thu số 01660 ngày 16/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

- **Về quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND.TG
- VKSND.huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS. huyện châu Thành;
- UBND xã nơi Đăng ký kết hôn;
- Các Đ/S
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thanh Nhàn